TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THỦY** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2025/QĐST-KDTM	*Cẩm Thủy, ngày* 24 *tháng* 01 *năm* 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 điều 24; khoản 7 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLST-KDTM, ngày 19 tháng 11 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Văn H – Chức vụ: chuyên viên xử lý nợ pháp lý V1; địa chỉ: 2 Đại lộ L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (văn bản ủy quyền ngày 25/9/2024).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H1, sinh năm 1986 và ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Bá L có vay của Ngân hàng TMCP V số tiền theo các hợp đồng cụ thể sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2311160900030 ngày 30/11/2023 và khế ước nhận nợ kèm theo ngày 30/11/2023, số tiền vay 2.049.000.000 đồng.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2106143867360 ngày 17/6/2021 số tiền vay là 2.420.000.000 đồng.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2309120230854 ngày 20/9/2023 số tiền vay là 850.000.000 đồng.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/6/2021 số tiền 300.000.000 đồng.

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/6/2021. Hạn mức tín dụng thẻ đề nghị 120.000.000 đồng. Số tiền ông L, bà H1 sử dụng của thẻ là 74.426.362 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa số 480, tờ bản đồ số 41, diện tích 730m^2, đo vẽ năm 2008, địa chỉ: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 508596, vào sổ số CS02355 do Sở T1 cấp ngày 19/01/2021 cho ông Lê Ngọc T, bà Triệu Thị H2. Chỉnh lý trang IV chuyển nhượng cho bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Bá L ngày 17/5/2021.

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa số 256, tờ bản đồ số 41, diện tích 782m^2, bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000, địa chỉ: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 989084, vào sổ số H02204 do Sở T1 cấp ngày 11/7/2019 cho bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Bá L.

Tổng số tiền nợ: Tính đến ngày 16/01/2025, vợ chồng bà H1, ông L còn nợ của Ngân hàng TMCP V tổng số tiền gốc và tiền lãi là 5.400.599.797 đồng (*Năm tỷ, bốn trăm triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng*). Trong đó: Tiền gốc 4.780.136.941đ, tiền lãi tính đến ngày 16/01/2025 gồm: lãi trong hạn 80.581.952đ (lãi thanh toán hàng tháng còn thiếu); lãi quá hạn 514.408.018đ; lãi chậm trả 25.472.886đ.

Về thời gian và phương thức thanh toán: Chậm nhất vào ngày 16/4/2025 bà H1, ông L phải thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP V và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/01/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Nếu đến hạn, bà H1, ông L không trả đúng và đủ số tiền còn nợ, Ngân hàng TMCP V (VPB) có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo:

- Hợp đồng thế chấp số LN2106143867360 ngày 17/6/2021 tại Văn phòng C. Kèm theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 01/PLHĐ – sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số LN2106143867360 ngày 17/6/2021 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 03/PLHĐ – sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số LN2106143867360 ngày 17/6/2021;

- Hợp đồng thế chấp số LN1911091851370 ngày 11/11/2019 tại Văn phòng C. Kèm theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 02/PLHĐ – sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số LN1911091851370 ngày 11/11/2019.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Bá L về việc nhận nạp toàn bộ án phí DSST. Bà H1, ông L phải nộp 56.700.300đ. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền nộp tạm ứng 56.048.000đ, theo biên lai thu tạm ứng án phí số BLTU/24/0005071, ngày 19/11/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Sơn